



tóng xìng

同性

noun · same sex; same gender

Example Sentences

tā men liǎ shì tóng xìng dōu xuǎn zé le xué yī
他们俩是同性，都选择了学医。

The two of them are the same gender; both
chose to study medicine.

Tóng xìng hūn yīn zài yī xiē guó jiā shì hé fǎ de
同性婚姻在一些国家是合法的。

Same-sex marriage is legal in some countries.

Trace each character, then write the word on your own.

同	同	同	同	同	同	同	同	同		
性	性	性	性	性	性	性	性	性	性	性